

Số: 329 /QC-ĐCM

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2019

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2018; Hội đồng Quản trị Công ty Dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (sau đây gọi là “**Đại hội**”) Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 2. Điều kiện, quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 27/3/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

b) Được Ban Tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

c) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

d) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng. Trường hợp Ban Kiểm phiếu đang tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết thì cổ đông không có quyền biểu quyết.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy CMND hoặc thẻ căn cước..., Giấy mời, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Trang phục lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

k) Có trách nhiệm tham dự Đại hội từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông vì lí do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội, phải liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo và nộp ý kiến bằng văn bản của cá nhân về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo và nộp ý kiến bằng văn bản của cá nhân với Ban Tổ chức

thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả các vấn đề được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước, Giấy mời, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

4.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và các thành viên HĐQT Công ty.

4.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

4.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

4.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

4.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

4.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

4.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Điều 5. Ban kiểm phiếu

5.1 Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và 03 thành viên. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua trước Đại hội.

5.2 Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cổ đông nếu để xảy ra sai phạm.

5.3 Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cổ đông, đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết;
- Thực hiện việc kiểm đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;
- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết, bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện cổ đông;
- Tổ chức kiểm Phiếu biểu quyết, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.
- Bàn giao Biên bản kết quả kiểm phiếu và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Thư ký Đại hội.

Chương III

THẺ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 60 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông

được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản, Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 8. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến. Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 9. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, thẻ thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

9.1. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, tổng số cổ phần cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (Thẻ biểu quyết), tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có biểu quyết sở hữu và/hoặc đại diện (Phiếu biểu quyết).

9.2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

9.3. Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết một số vấn đề tại Đại hội theo yêu cầu của Chủ tọa cụ thể:

- Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu
- Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội, Chương trình Đại hội
- Các nội dung khác phát sinh theo diễn biến tại Đại hội.

9.4. Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết các nội dung cần được thông qua tại Đại hội, cụ thể:

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018; Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019
- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo của HĐQT
- Thông qua nội dung các tờ trình Đại hội

9.5. Thể thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội sẽ được thực hiện theo các hình thức sau đây:

9.5.1. Biểu quyết trực tiếp theo hình thức dùng “Thẻ biểu quyết”:

- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến trực tiếp tại cuộc họp theo quy định tại khoản 8.3 Điều này, bằng cách giơ “Thẻ biểu quyết” lên cao. Đối với từng vấn đề biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của cổ đông theo trình tự: “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến”. Trường hợp cổ đông không giơ thẻ biểu quyết thì coi như không có ý kiến. Với từng vấn đề xin ý kiến, cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần.

- Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến”, Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại để báo cáo Chủ tọa công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

9.5.2. Biểu quyết theo hình thức dùng “Phiếu biểu quyết”:

- Việc biểu quyết các nội dung quy định tại Khoản 8.4 Điều này, sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín đảm bảo minh bạch, công bằng. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông, biểu quyết các nội dung ghi trong “Phiếu biểu quyết” bằng việc lựa chọn phương án “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” vào từng nội dung cần lấy ý kiến.

- Khi được phát Phiếu biểu quyết, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần của phiếu được phát. Nếu tổng số cổ phần ghi trên phiếu được phát không bằng với tổng số cổ phần của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó sở hữu/đại diện thì Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu tại thời điểm nhận phiếu.

- Trên mỗi phiếu biểu quyết đều có danh mục các nội dung biểu quyết. Cổ đông/đại diện cổ đông chỉ cần đánh dấu “X” vào ô phù hợp với ý kiến của mình. Trong trường hợp viết sai, cổ đông/đại diện cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

- Các Phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức Đại hội phát hành, không có dấu của Công ty
- Phiếu bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung.
- Phiếu không có chữ ký xác nhận của cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự.
- Một nội dung biểu quyết có quá một lần đánh dấu (X)

9.6. Quy định về kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ Phiếu biểu quyết

9.6.1. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:

- Việc kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và được tiến hành ở một phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông và/ hoặc Đại diện Đoàn Chủ tịch.
- Trước khi mở hòm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập Biên bản và niêm phong số phiếu không dùng đến.
- Kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.
- Niêm phong toàn bộ các Phiếu biểu quyết, bàn giao lại cho Ban Thư ký.

9.6.2. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu, Trưởng Ban kiểm phiếu đọc Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội
- Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 10. Thông qua quyết định của Đại hội

Trừ các nội dung ghi tại Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý tán thành.

Điều 11. Biên bản Đại hội

11.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

11.2. Biên bản Đại hội được Đại hội thông qua trước khi bế mạc và được công bố thông tin, gửi đến các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

11.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

Điều 12. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua trước khi bế mạc, đồng thời được gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Điều 13. Hiệu lực thi hành của Quy chế

13.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười hai (13) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

13.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Phòng CĐVT (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.



Cám Phả, ngày 15 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị Cổ đông năm 2018 và phương hướng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông – Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV.

Thực hiện kế hoạch Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, của Hội đồng quản trị Công ty tại văn bản số: 25/KH-ĐCM ngày 7/1/2019, Ban quản lý điều hành Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV báo cáo Đại hội đồng Cổ đông – Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV, với các nội dung chủ yếu sau:

A. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018.

I. Các căn cứ thực hiện.

- Công văn số: 6059/TKV-KH ngày 20/12/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, V/v Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2018.

- Nghị quyết số: 01/2018/NQ-HĐQT ngày 03/1/2018 của Hội đồng quản trị Công ty, V/v Thông qua Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Quyết định số: 18/QĐ-ĐCM ngày 04/01/2018 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV, V/v Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Quyết định số: 180/QĐ-TKV (QĐ 180) ngày 05/2/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, V/v Tổ chức thực hiện khối lượng thăm dò, khảo sát Nguồn vốn sản xuất thuộc Kế hoạch kỹ thuật công nghệ năm 2018.

- Nghị quyết số: 17/2018/NQ-HĐQT ngày 30/5/2018 của Hội đồng quản trị Công ty, V/v Thông qua Kết quả sản xuất 4 tháng đầu năm và tạm điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Quyết định số: 950/QĐ-TKV ngày 05/6/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, V/v Phê duyệt Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2018 thuộc các Đề án thăm dò được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép thăm dò và thăm dò trong ranh giới Giấy phép khai thác.

- Quyết định số: 1080/QĐ-TKV (QĐ 1080) ngày 13/6/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, V/v Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2018 thuộc các Đề án thăm dò được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép thăm dò và thăm dò trong ranh giới Giấy phép khai thác.

- Quyết định số: 1623/QĐ-TKV (QĐ 1623) ngày 28/8/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, V/v Tổ chức thực hiện khối lượng bổ sung thuộc các Đề án thăm dò trong Kế hoạch thăm dò khảo sát năm 2018.

- Công văn số: 6783/TKV-KH ngày 25/12/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, V/v Thông báo điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2018.

- Các Hợp đồng đã ký với các đối tác và các văn bản hướng dẫn khác của TKV.

II. Kết quả thực hiện năm 2018 .

1. Đặc điểm tình hình.

- Thuận lợi: Tập đoàn giao nhiệm vụ thăm dò vốn sản xuất sớm hơn các năm trước, Công ty là đơn vị truyền thống, chuyên ngành làm công tác khảo sát thăm dò, có sự chuẩn bị tốt về nhân lực, thiết bị; giá nhiên vật liệu ở mức tương đối ổn định, lãi vay ngân hàng không tăng, tạo thuận lợi trong việc cân đối chi phí.

- Khó khăn: Do cơ chế quản lý nên năm 2018, không hình thành nguồn quỹ tập trung về khảo sát thăm dò, vì vậy việc triển khai thi công thăm dò từ nguồn vốn này chậm hơn các năm trước, mặt khác do khối lượng thăm dò đã được cấp phép còn lại ít, khối lượng thăm dò bổ sung chưa được cấp phép, do đó khối lượng thăm dò được giao ít chỉ bằng 77% so với cùng kỳ năm trước.

Cùng với khối lượng giảm thì điều kiện thi công cũng rất khó khăn, các Đề án thăm dò mỏ Nam Mẫu, Mông Dương công tác giải phóng mặt bằng gặp rất nhiều khó khăn, do vị trí thi công vào rừng tự nhiên không thể triển khai đồng loạt các vị trí thi công, vì thế tuy ít việc nhưng công ty vẫn không thi công hết được khối lượng TKV giao.

Do khối lượng thi công ít nên doanh thu cũng giảm đi tương ứng, vì vậy rất khó khăn trong việc cân đối chi phí, tuy nhiên với tinh thần vượt khó Công ty đã đề ra nhiều biện pháp về quản lý kỹ thuật, quản trị chi phí có hiệu quả, do đó nên năm 2018 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu phối hợp kinh doanh điều chỉnh của TKV, đời sống thu nhập của người lao động được ổn định.

2. Các chỉ tiêu thực hiện chủ yếu.

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH ĐC 2018	TH năm 2018	Tỷ lệ % thực hiện	
					Năm 2018	Cùng kỳ
A	Chỉ tiêu hiện vật					
I	Khoan thăm dò	mét	58.000	60.506,4	104,3	74,8
1	TD vốn trong TKV	"	56.500	58.763,0	104,0	
2	TD vốn khác	"	1.500	1.743,4	116,2	
II	Khảo sát trắc địa	ha	15.500	16.018,0	103,3	
1	Vốn TT, SX	"	12.000	12.575,4	104,8	
2	Vốn khác	"	3.500	3.442,6	98,4	
III	Báo cáo đ/chất	b/c	10	10	100,0	
IV	Đo vật lý Carota	mét	70.000	71.670,5	102,4	
1	Nội bộ	"	52.000	52.244,0	100,5	

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH ĐC 2018	TH năm 2018	Tỷ lệ % thực hiện	
					Năm 2018	Cùng kỳ
2	Ngoài công ty	"	20.000	19.426,5	97,1	
V	Phân tích mẫu	mẫu	6.000	6.221	103,7	
1	Nội bộ	"	6.000	5.443	90,7	
2	Ngoài Công ty	"	500	778	155,6	
B	Chỉ tiêu giá trị	tr.đ				
*	Giá trị sản xuất	"	280.000	311.086		
*	Doanh thu	"	280.000	317.911	113,5	81,9
I	Vốn TT, SX, Thầu	"	265.010	286.320	108,0	
1	Khoan thăm dò	"	224.100	249.071	111,1	
2	Khảo sát trắc địa	"	17.000	17.462	102,7	
3	Báo cáo Địa chất	"	5.000	5.202	104,0	
4	Đo vật lý Carota	"	5.500	5.702	103,7	
5	Phân tích mẫu	"	8.500	8.883	104,5	
II	Vốn khác	tr.đ	29.500	31.591	107,1	103,9
1	Khảo sát trắc địa	"	4.000	4.765	119,1	
3	Báo cáo Địa chất	"	3.000	3.582	119,4	
2	Dịch vụ khoáng nóng	"	10.500	10.528	100,3	
3	Đo vật lý Carota	"	1.500	1.766	117,7	
4	Phân tích mẫu	"	500	946	189,2	
5	Khoan thăm dò	"	10.000	10.004	100,0	
C	Các chỉ tiêu khác					
1	Lợi nhuận	tr.đ	2.500	3.733	149,3	29,06
2	Nộp ngân sách	"				
3	Lao động bình quân	Người	864			
4	Tiền lương bình quân	1.000đ	7.174	7.740	107	88,5

Doanh thu điều chỉnh là 280.000 triệu đồng, thực hiện là 317.911 triệu đồng, tăng 13%.

Nguyên nhân tăng doanh thu, do tăng về khối lượng khoan so với kế hoạch điều chỉnh, khối lượng khoan thi công trong quý IV có chiều sâu bình quân cao hơn 9 tháng đầu năm, đồng thời việc được TKV cho áp dụng đơn giá mới theo Quyết định số 1772 từ 1/10/2018 là nguyên nhân chủ yếu tăng doanh thu.

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ địa chất.

3.1. Công tác địa chất.

- Báo cáo thăm dò khu mỏ Suối Lại, Hà Lâm.
- Lập bản đồ cơ lý, các định mẫu thể trọng lớn các mỏ vùng Quảng Ninh.

- Chính lý bản đồ và quan trắc đánh giá điều kiện ĐCTV các mỏ cho các Công ty Mông Dương, Dương Huy, Hạ Long, Hà Lâm, Hòn Gai

Các Đề án/phương án, báo cáo đều hoàn thành trong năm 2018, đảm bảo chất lượng và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Công tác khoan thăm dò.

Trong năm 2018 Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV đã tiến hành thi công các Đề án/Phương án sau:

- Đề án TD than khu mỏ Mạo Khê - Công ty CP than Mạo Khê.
- Đề án TD than khu mỏ Khe Chàm - Công ty than Hạ Long.
- Đề án TD than khu mỏ Mông Dương - Công ty than Mông Dương.
- Đề án TD than khu mỏ Tràng Bạch - Công ty than Ưng Bí.
- Đề án TD than khu mỏ Đông Ngã Hai - Công ty than Quang Hanh.
- Đề án TD than khu mỏ Nam Mẫu - Công ty than Nam Mẫu.
- Thi công các phương án khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2018 thuộc các Công ty than: Thống Nhất, Hà Lâm, Hạ Long, Vàng Danh, Hòn Gai, Mông Dương, Mạo Khê.

3.3. Đánh giá sơ bộ kết quả thi công:

- Các công trình khoan thăm dò năm 2018 đã làm rõ hơn cấu trúc địa chất, cấu tạo các vỉa than, nâng cấp trữ lượng than phục vụ khai thác năm 2018 và các dự án khai thác mỏ, đồng thời đánh giá tài nguyên ở dưới sâu.

- Chất lượng các công trình khoan thăm dò đảm bảo theo yêu cầu Đề án/Phương án đặt ra; tiến độ kịp thời với nhu cầu sử dụng của chủ đầu tư.

- Công tác khoan tháo nước trong lò đã giúp cho các đơn vị khai thác chủ động các phương án khai thác an toàn theo chiều sâu thiết kế của các lò chợ, cơ giới hóa (mỏ Hà Lâm, Nam Mẫu ...).

- Đối với các Đề án/Phương án do Công ty làm tác giả, chủ biên; tài liệu thi công đã được cập nhật kịp thời để chỉnh lý cấu trúc làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo của Đề án/Phương án thăm dò và khai thác mỏ.

Tổng số mét khoan thực hiện trong năm 2018: 60.506,4m và chất lượng còn bao cả khối lượng năm 2017 chuyển sang:

Trong đó:

- Khoan trong lò: 1.655 m.

Nội dung	Khối lượng (m)	Mẫu lấy (m)	Tỷ lệ (%)
Tổng khối lượng	62.377,5		
Trong đó: - Khoan qua bãi thải, lò cũ	6.232,6		
- Khoan qua than	2.466,6	2.040,6	82,73
- Khoan qua đá	53.678,3	41.343,1	77,02

4. Khảo sát đo đạc địa hình: Đo vẽ khảo sát địa hình cho các Công ty sản xuất than; Đo kiểm tra khối lượng than tồn 6 tháng đầu năm 2018 và 6 tháng cuối năm 2018.

Chất lượng công tác khảo sát: Tất cả các báo cáo khảo sát, do đặc địa hình đã được TKV phê duyệt và đưa vào sử dụng kịp thời cho các công ty sản xuất than.

III. Công tác quản lý chung .

1. Công tác khoán, quản trị chi phí.

Năm 2018, Công ty đã đưa ra các biện pháp nhằm tiết giảm chi phí. Cụ thể:

- Tăng cường công tác quản lý kinh tế - kỹ thuật: Công văn số 519/ĐCM - KHTK ngày 10/5/2018.

- Thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí: Chỉ thị số 590/CT - ĐCM ngày 28/5/2018.

- Quyết định số: 909/QĐ - ĐCM ngày 30/5/2018 Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV, V/v Điều chỉnh đơn giá khoán chi phí sản xuất.

- Tăng cường công tác quản lý, mua sắm, sử dụng, cấp phát vật tư: Công văn số 550/CV - ĐCM ngày 16/5/2018.

- Tăng cường công tác quản lý tài sản, tiền vốn, công nợ phải thu phải trả: Công văn số 604/ĐCM - TCKT ngày 30/5/2018.

- Tăng cường công tác quản lý chi phí văn phòng (Hội nghị, tiếp khách, điện, nước, văn phòng phẩm...): Công văn số 613/CV - ĐCM ngày 04/6/2018.

- Công ty cho CBCNV nghỉ hàng tuần 02 ngày thứ 5, 6 từ giữa tháng 5/2018 đến hết tháng 8/2018 đối với bộ phận gián tiếp (các phòng ban quản lý, nghiệp vụ) nhằm tiết giảm chi phí (ăn ca, đi lại, điện nước...)

Kết quả thực hiện, năm 2018 lợi nhuận của Công ty dự kiến đạt 3.500 triệu đồng

2. Công tác đầu tư XDCB:

Năm 2018 Công ty thực hiện đầu tư trên cơ sở thông báo của TKV tại Công văn số: 6287/TKV-ĐT ngày 29/12/2017 về việc thông báo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018 và điều chỉnh tại Công văn số: 5627/TKV-ĐT ngày 29/10/2018 về việc thông báo điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018, với giá trị điều chỉnh là 17.620 triệu đồng, bao gồm các dự án và công trình sau:

- Nhà Bia tưởng niệm: Đây là công trình được bổ sung vào dự án Bảo quản, tu bổ khu di tích lịch sử địa điểm khai thác Than đầu tiên của Việt Nam.

- Nhà phân tích mẫu (Dự án chuyên tiếp)

- Thiết bị duy trì sản xuất năm 2018.

- Nâng cấp phần mềm Địa chất 5.0.

- Kiểm toán dự án thiết bị duy trì sản xuất năm 2017

- Kiểm toán dự án sân kho vật tư Xí nghiệp Địa chất Đông Triều:

Giá trị thực hiện đầu tư năm 2018 là 14.457 triệu đồng/17.620 triệu đồng, đạt 82 % kế hoạch.

Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch là do Công trình Nhà bia tưởng niệm thuộc dự án Bảo quản tu bổ khu di tích lịch sử địa điểm khai thác Than đầu tiên của Việt Nam đang chờ TKV xem xét quyết định vị trí đặt Nhà bia.

3. Công tác quản lý, sử dụng vật tư:

Vật tư mua sắm được căn cứ vào nhu cầu thực tế của sản xuất, thông qua các hợp đồng mua bán, giá mua cạnh tranh. Quy trình thực hiện theo các quy định của

Nhà nước, TKV và của Công ty. Tất cả vật tư mua sắm đều đảm bảo chất lượng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

Công tác cấp phát vật tư được quản lý chặt chẽ theo đúng các quy trình, quy định, tiến độ thi công, khối lượng công việc thực hiện, công nghệ sản xuất, thiết kế, định mức tiêu hao và nhu cầu thực tế của sản xuất.

Định mức vật tư: Vật tư được cấp phát theo định mức, thiết kế kỹ thuật và thực tế thi công của từng công trình. Tuy nhiên vẫn còn một số công trình khoan thực hiện vượt định mức vật tư, nguyên nhân là do một số lỗ khoan thi công qua địa tầng bãi thải có chiều dày lớn, khoan qua nhiều tầng lò, địa tầng phức tạp, xen kẽ thành lỗ khoan sập lở mạnh, địa tầng mất nước dọc vỉa, tầng nước phun và trượt tầng.

Mức dự trữ vật tư thường xuyên, tồn kho cuối kỳ được Công ty kiểm soát chặt chẽ phù hợp với tình hình, đặc thù của sản xuất và khả năng cung ứng của thị trường, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giữ mức tồn kho hợp lý, năm 2018 vật tư tồn kho của Công ty ở mức 3,70% so với tổng giá trị vật tư xuất kho trong kỳ sản xuất bằng 74,0% mức quy định của TKV (5%).

Tổng hợp tình hình mua bán, sử dụng vật tư năm 2018:

- Giá trị tồn kho đầu kỳ: 4.896 triệu đồng
- Giá trị nhập kho trong kỳ: 116.542 triệu đồng
- Giá trị xuất kho trong kỳ: 117.109 triệu đồng
- Giá trị tồn kho cuối kỳ: 4.329 triệu đồng

4. Công tác quản lý lao động, tiền lương:

4.1. Quản lý và sử dụng lao động.

- Hằng năm trên cơ sở khối lượng và giá trị được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua, căn cứ định mức lao động, Công ty xác định lao động kế hoạch cần sử dụng trong năm để đưa ra kế hoạch tuyển dụng lao động.

- Tình hình tuyển dụng lao động: Tập trung tuyển dụng lao động sản xuất chính là CNKT khoan thăm dò, đối tượng này chủ yếu là con em trong Công ty do Công ty tuyển sinh và gửi lên trường Công nghiệp phúc yên đào tạo, trong năm 2018, số lượng tuyển sinh ít, do đó việc tuyển dụng mới không thực hiện được theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Bố trí việc làm: Do tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty không ổn định, quý II, đầu quý III không có việc làm, thu nhập thấp và không ổn định, nhu cầu tuyển dụng lao động trên thị trường tự do ngày càng tăng dẫn đến lượng công nhân ở khâu sản xuất chính giảm mạnh.

- Biến động lao động: Do Lao động sản xuất chính giảm, Công ty đã tuyên truyền phổ biến rộng rãi luật Bảo hiểm xã hội, Quyết định số: 636/QĐ – BHXH ngày 22/4/2016 về hồ sơ và quy trình giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, tuyên truyền các chế độ chính sách của Nhà nước đến người lao động lao ở bộ phận gián tiếp, phục vụ, phụ trợ để tiết giảm, đảm bảo tỷ lệ giảm ở các khâu là tương đương nhau.

+ Công tác triển khai thực hiện: Triển khai Công văn số: 6198/TKV – TCNS ngày 27/12/2017 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc hướng dẫn định biên lao động; Ngày 19/3/2018 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần

Địa chất mỏ - TKV đã ban hành Nghị quyết số: 14/2018/NQ – HĐQT về việc phê duyệt mô hình tổ chức và định biên lao động của Công ty.

+ Các nhóm giải pháp đã thực hiện về thu hút người lao động: Năm 2018, Công ty gặp khó khăn về việc làm, giá trị sản xuất thấp dẫn đến tiền lương giảm, Công ty cân đối, tạm thời điều chỉnh đơn giá tiền lương cho các đơn vị trong Công ty (riêng lao động sản xuất chính vẫn giữ nguyên đơn giá tiền lương và các chế độ như ăn giữa ca, hỗ trợ đi lại và tiền độc hại..). Thường xuyên trao đổi và nắm bắt tâm tư nguyện vọng của công nhân để đào tạo, giao nhiệm vụ như tổ trưởng, kíp trưởng, tác giả... đó là nhóm giải pháp Công ty đã thực hiện để thu hút và giữ chân người lao động sản xuất chính và lao động có tài năng, tay nghề giỏi.

+ Các nhóm giải pháp đã thực hiện về tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lao động: Đã triển khai xong việc sắp xếp mô hình tổ chức của Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều theo đúng hướng dẫn của TKV, cụ thể: Hợp nhất phòng vật tư với phòng Kế hoạch và lấy tên là phòng Kế hoạch vật tư; Chuyển tổ xe về phòng Kế hoạch vật tư quản lý; chuyển tổ bảo vệ về phòng Tổ chức hành chính; Chuyển tổ cơ khí về phòng Kỹ thuật sản xuất – An toàn.

Công ty sắp xếp lao động hợp lý, giảm giờ làm cho các phòng ban, tổ đội phục vụ, đảm bảo tiền lương một công không thấp hơn mức tiền lương khoán theo kế hoạch.

Kết quả sắp xếp lao động như sau:

Chỉ tiêu	Lao động có mặt đến 31/12/2018 theo kế hoạch	Thực hiện năm 2018				
		LĐ có mặt 01/01/2018	LĐ có mặt 31/12/2018	Tăng (+); giảm (-)	Trong đó	
					Giảm tuyệt đối(ii)	Giảm tương đối (iii)
A	B	1	2	3 = 2-1	4	5
Tổng số	893	884	826	- 58	- 35	- 23
- Công nghệ	632	622	583	- 39	- 16	- 23
- Phục trợ	66	66	62	- 4	- 4	
- Phục vụ	81	83	74	- 9	- 9	
- Quản lý	114	113	107	- 6	- 6	

Đào tạo và đào tạo lại Công tác tuyển sinh, tuyển dụng và sử dụng lao động theo bảng sau:

Chỉ tiêu	Tuyển sinh		Biến động (người)				
	KH	Thực hiện	Số đầu năm	Tăng (+)	Giảm (-)	Trong đó: Thôi việc, bỏ	Số cuối năm

						việc	
Tổng số	30		884	25	83	75	826
Trong đó:							
- Khoan máy	25		422	23	50	49	395
- Trắc địa	5		58	1	5	3	54
- Địa chất	5		41	1	2	2	40
- Ngành nghề khác			363		26	21	337

4.2. Xác định quỹ tiền lương thực hiện.

4.2.1. Nguyên tắc chung:

- Quỹ lương thực hiện của Công ty được xác định theo Thông tư: 28/2016/TT – BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và theo các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn.

4.2.2. Doanh thu thực hiện năm 2018:

- Giá trị sản xuất tổng số: 317.911,3 triệu đồng
- Doanh thu thuê ngoài: 1.616,4 triệu đồng
- Doanh thu tính lương: 315.653,0 triệu đồng

4.2.3. Quỹ tiền lương người lao động và người quản lý:

a. Quỹ lương của người lao động xác định như sau:

- Quỹ tiền lương tính theo đơn giá điều chỉnh kế hoạch 260,7đ/1000đ DT là: 82.291 triệu đồng, và cân đối tài chính, lợi nhuận đạt 1.894 triệu đồng. Để lợi nhuận 3.733 triệu đồng, thì quỹ tiền lương người lao động đưa vào hạch toán cân lại là: 78.531 triệu đồng tương ứng đơn giá 250đ/1000đ DT và quỹ tiền lương thực trả cho quản lý, phục vụ tại Miếu mỏ theo HĐ số: 70/HĐ/2018/ĐCM – TKV ngày 14/3/2018 của TKV là: 314,6 triệu đồng.

b. Quỹ lương của người quản lý:

- Quỹ tiền lương của người quản lý là: 1.921 triệu đồng tương ứng quỹ tiền lương của người lao động và đảm bảo lợi nhuận 3.733 triệu đồng.

4.2.4. Tỷ trọng quỹ lương:

- Lao động công nghệ: 77,5%
- Lao động phục vụ phụ trợ: 10,6%
- Quản lý, gián tiếp: 11,8%

B. Phương hướng thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2019.

I. Các căn cứ thực hiện.

- Quyết định số: 403/QĐ-TTg ngày 14/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt điều chỉnh qui hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030;

- Kế hoạch SXKD giai đoạn 2015- 2020 do Công ty xây dựng báo cáo Tập đoàn TKV tại tờ trình số 145/TTr - ĐCM - KH ngày 13/03/2014;

- Năm 2019, tiếp tục thực hiện các Đề án thăm dò thi công dở dang năm 2018 chuyển sang; Dự kiến kế hoạch thăm dò theo nhu cầu thăm dò bổ sung, thăm dò khai thác của các Công ty sản xuất than năm 2019.

- Công văn số: 6736/TKV - KH ngày 24/12/2018 của TKV, V/v Thông báo các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019.

- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐQT ngày 08/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty, về việc Thông qua kết quả SXKD năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Quyết định số: 35/QĐ - TKV ngày 9/1/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, V/v Phê duyệt kế hoạch thăm dò, khảo năm 2019 – Chi phí tập trung.

- Quyết định số: 153/QĐ - TKV ngày 31/1/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, V/v Tổ chức thực hiện khối lượng TDKS năm 2019 - Chi phí tập trung.

- Công văn số: 695/TKV-TN ngày 14/02/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, V/v thực hiện khối lượng thăm dò khảo sát thuộc KHKTCN năm 2019.

- Các văn bản có liên quan khác phục vụ công tác quản lý, điều hành chung trong Công ty.

II. Kế hoạch SXKD năm 2019.

Những chỉ tiêu chủ yếu.

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Khoan thăm dò	mét	65.200	
1	TD vốn trong TKV	"	64.200	
2	TD vốn khác	"	1.000	
II	Khảo sát trắc địa	ha	15.500	
1	Vốn TT, SX	"	12.000	
2	Vốn khác	"	3.500	
III	Báo cáo đ/chất	b/c	10	
IV	Đo vật lý Carota	mét	80.000	
1	Nội bộ	"	60.000	
2	Đo ngoài	"	20.000	
V	Phân tích mẫu	mẫu	6.500	
1	Nội bộ	"	6.000	
2	Phân tích ngoài	"	500	
B	Chỉ tiêu giá trị	tr.đ	285.010	
I	Vốn tập trung +SX +Thầu	"	265.010	
1	Khoan thăm dò	"	226.510	
2	Khảo sát trắc địa	"	17.500	

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Ghi chú
3	Báo cáo Địa chất	"	6.500	
4	Đo vật lý Carota	"	5.500	
5	Phân tích mẫu	"	9.000	
II	Vốn khác	tr.đ	20.000	
1	Khảo sát trắc địa	"	4.000	
2	Dịch vụ khoáng nóng	"	10.500	
3	Đo vật lý Carota	"	2.000	
4	Phân tích mẫu	"	500	
5	Khoan thăm dò		3.000	
C	Chỉ tiêu khác			
1	Lợi nhuận	tr.đ	4.500	
2	Nộp ngân sách	"	Theo Q.định	
3	Lao động bình quân	Người	864	
4	Tiền lương bình quân	1.000đ	8.025	

III. Các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019.

- Bám sát định hướng kế hoạch SXKD của Tập đoàn, căn cứ Nghị quyết Đảng bộ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội nghị Người lao động năm 2019, tập trung hoàn thành kế hoạch PHKD được giao, chủ động xây dựng phương án sản xuất, đề ra các giải pháp tổ chức sản xuất linh hoạt, phù hợp nhằm thực hiện tốt nhất, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2019.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp “Nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh giai đoạn 2016-2020” của Công ty ban hành tại Văn bản số 263/BC-ĐCM ngày 02/3/2016.

- Tiếp tục tái cơ cấu các phòng ban chức năng, tổ đội theo định mức, định biên do TKV quy định, tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực có đủ chuyên môn, trình độ, đáp ứng được các yêu cầu cho năm 2018 và các năm tiếp theo.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện các quy trình, quy phạm kỹ thuật, bám sát thực tế sản xuất kịp thời đề ra các biện pháp khắc phục khó khăn phát sinh trong sản xuất, giảm tối đa các sự cố trong thi công khoan do nguyên nhân chủ quan gây ra làm tăng chi phí.

- Mở rộng lĩnh vực kinh doanh trong lĩnh vực khoan trong lò để thăm dò vỉa, thăm dò và tháo nước, khí ... đã tạo thêm việc làm cho năm 2019.

- Sửa đổi, bổ sung quy chế khoán và quản trị chi phí, quy chế quản lý vật tư, lao động tiền lương, tài chính, ĐTXDCB, đơn giá giao khoán công đoạn sản xuất... phù hợp với điều kiện thực tế nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tiết kiệm chi phí, để mang lại hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập của người lao động.

- Công tác mua sắm tài sản, vật tư, trang thiết bị được thực hiện trên cơ sở kế

hoạch hàng năm và tổ chức đấu thầu đúng luật quy định, đảm bảo giá cả hợp lý, xuất xứ rõ ràng, đúng tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu đề ra. Việc sử dụng được cấp phát theo thiết kế kỹ thuật và nhu cầu thực tế.

- Thực hiện công tác ĐTXDCB đúng trình tự, thủ tục triển khai dự án đảm bảo các dự án đầu tư đạt hiệu quả cao, tăng cường giám sát chất lượng công trình chống thất thoát, lãng phí trong quá trình đầu tư.

- Chủ động tìm kiếm và ký kết hợp đồng điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe tại trung tâm khoáng nóng địa chất đối với các đơn vị trong Tập đoàn, góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

- Quan tâm thiết thực đến cơ sở vật chất nơi làm việc và đời sống sinh hoạt của người lao động, nhất là những đối tượng là lao động trực tiếp.

Kính trình Đại Hội đồng Cổ đông, Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV những nội dung trên./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BĐH Công ty

- Lưu: KHTK, Vthư.



Hà Minh Thọ

Số: 343 /BC-ĐCM

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018,
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV đã được thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2018.

Với mục tiêu "An toàn, ổn định, hiệu quả" vì sự phát triển lâu dài, bền vững của Công ty, vì quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cổ đông, tại Đại hội đồng cổ đông lần này, Hội đồng quản trị kiểm điểm tình hình hoạt động của HĐQT năm 2018 và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu năm 2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

Trong năm 2018, nhiệm kỳ I (2016 - 2021) Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện 22 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 26 Nghị quyết, 12 quyết định liên quan đến quy chế, cơ chế, công tác tổ chức cán bộ, quản trị chi phí, quản lý tiền lương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cụ thể:

1. Về nhân sự và số phiên họp HĐQT

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2018, HĐQT Công ty có sự thay đổi nhân sự như sau:

a) Từ ngày 01/01/2018 – 30/11/2018: Nhân sự HĐQT không có sự thay đổi:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch HĐQT	19	100	
2	Vũ Văn Mạnh	Thành viên HĐQT	19	100	
3	Lê Văn Lân	Thành viên HĐQT	19	100	

4	Phạm Văn Ngôn	Thành viên HĐQT	19	100	
5	Phạm Tuấn Ninh	Thành viên HĐQT	19	100	

b) Từ ngày 01/12/2018 – 31/12/2018: Nhân sự HĐQT có sự thay đổi: Ông Vũ Văn Mạnh thôi tham gia HĐQT để nghỉ hưu theo quy định; Ông Hà Minh Thọ – người đại diện của TKV được bầu tham gia HĐQT Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch HĐQT	3	100	
2	Hà Minh Thọ	Thành viên HĐQT	3	100	
3	Lê Văn Lân	Thành viên HĐQT	3	100	
4	Phạm Văn Ngôn	Thành viên HĐQT	3	100	
5	Phạm Tuấn Ninh	Thành viên HĐQT	3	100	

2. Các cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT:

Hội đồng Quản trị được Đại hội giao quản lý toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty. Năm 2018, HĐQT đã tổ chức 22 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản trong các lĩnh vực quản lý, điều hành sau:

TT	Số, ký hiệu VB	Ngày tháng	Nội dung
1	Số: 01/2018/NQ-HĐQT	03/01/2018	Thông qua: Kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018
2	Số: 02/2018/NQ-HĐQT	03/01/2018	Thông qua Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2018 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
3	Số: 03/2018/NQ-HĐQT	03/01/2018	Thông qua Kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương năm 2018
4	Số: 04/2018/NQ-HĐQT	03/01/2018	Thông qua Quy chế quản lý lao động và tiền lương của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
5	Số: 05/2018/NQ-HĐQT	03/01/2018	Về việc Tạm giao hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2018 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
6	Số: 06/2018/NQ-HĐQT	30/01/2018	Thông qua: Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
7	Số: 07/2018/NQ-HĐQT	09/02/2018	Về việc Tạm chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách và Thư ký HĐQT Công ty năm 2018
8	Số: 08/2018/NQ-HĐQT	09/02/2018	Về việc Thông qua Quy chế khoán, quản trị chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
9	Số: 09/2018/NQ-HĐQT	27/02/2018	Về việc Thông qua Hệ thống Thang lương, bảng

			lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
10	Số: 10/2018/NQ-HĐQT	05/3/2018	Về việc Phê duyệt chuyển xếp lương cho Người quản lý Công ty từ thang lương, bảng lương tại Quyết định số 74/QĐ-ĐCM ngày 16/01/2017 sang thang lương, bảng lương mới của Công ty tại thời điểm 01/01/2018
11	Số: 11/2018/NQ-HĐQT	06/3/2018	Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
12	Số: 12/2018/NQ-HĐQT	07/3/2018	Về việc tạm thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2017
13	Số: 13/2018/NQ-HĐQT	19/3/2018	Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017
14	Số: 14/2018/NQ-HĐQT	19/3/2018	Về việc phê duyệt mô hình tổ chức và định biên lao động Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
15	Số: 15/2018/NQ-HĐQT	27/4/2018	Thông qua: Nội dung Hợp đồng Kinh tế với Công ty CP than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin.
16	Số: 16/2018/NQ-HĐQT	04/5/2018	Về việc: chi trả thù lao cho Người phụ trách quản trị Công ty năm 2018.
17	Số: 17/2018/NQ-HĐQT	30/5/2018	Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh 4 tháng đầu năm 2018 và tạm điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
18	Số: 18/2018/NQ-HĐQT	10/7/2018	Thông qua: (i) Quy chế quản lý công tác vật tư; (ii) Hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2018 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
19	Số: 19/2018/NQ-HĐQT	23/7/2018	Về việc thông qua tiếp tục đầu tư dự án Khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá Chồng
20	Số: 20/2018/NQ-HĐQT	03/8/2018	Về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo giai đoạn 2016-2020 (sau rà soát, bổ sung) và giai đoạn 2020-2025
21	Số: 21/2018/NQ-HĐQT	08/10/2018	Về việc thông qua chủ trương hợp tác đầu tư dự án Khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá Chồng với Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin theo hình thức BCC, không hình thành pháp nhân mới.
22	Số: 22/2018/NQ-HĐQT	15/11/2018	Về việc thông qua: (i) từ nhiệm thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty; (ii) Về việc bổ nhiệm thành viên HĐQT; (iii) bổ nhiệm Giám đốc Công ty.
23	Số: 23/2018/NQ-HĐQT	15/11/2018	Về việc thông qua: (i) điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018; (ii) Nâng lương theo niên hạn đối với Phó Giám đốc Phạm Văn Ngôn.
24	Số: 24/2018/NQ-HĐQT	18/12/2018	Về việc thống nhất thông qua chủ trương cho Giám đốc lùi thời gian sắp xếp mô hình tổ chức của Công ty sang năm 2019.

25	Số: 25/2018/NQ-HĐQT	27/12/2018	Về việc thống nhất thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
26	Số: 26/2018/NQ-HĐQT	27/12/2018	Về việc thống nhất thông qua đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm lại 07 cán bộ và kéo dài thời gian giữ chức vụ cho 01 cán bộ thuộc cán bộ quản lý của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
27	Số: 20/QĐ-ĐCM	04/01/2018	Quyết định về việc Ban hành Quy chế Quản lý lao động và tiền lương của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
28	Số: 193/QĐ-ĐCM	30/01/2018	Quyết định về việc Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
29	Số: 260/QĐ-ĐCM	09/02/2018	Quyết định về việc Ban hành Quy chế khoán, quản trị chi phí của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
30	Số: 308/QĐ-ĐCM	27/02/2018	Quyết định về việc Ban hành Hệ thống Thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
31	Số: 358/QĐ-ĐCM	05/3/2018	Quyết định về việc Chuyển xếp lương cho Người quản lý Công ty từ thang lương, bảng lương tại QĐ số 74/QĐ-ĐCM ngày 16/01/2017 sang thang lương, bảng lương mới của Công ty tại thời điểm 01/01/2018
32	Số: 1129/QĐ-ĐCM	17/7/2018	Quyết định về việc phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2018 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
33	Số: 1191/QĐ-ĐCM	06/8/2018	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch Cán bộ quản lý giai đoạn 2016-2020 (sau rà soát, bổ sung) và giai đoạn 2020-2025 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV
34	Số: 1726/QĐ-ĐCM	08/11/2018	Quyết định về việc nghỉ hưu để hưởng chế độ hưu trí đối với ông Vũ Văn Mạnh.
35	Số: 1765/QĐ-ĐCM	15/11/2018	Quyết định về việc nâng bậc lương cho Phó Giám đốc Phạm Văn Ngôn.
36	Số: 1766/QĐ-ĐCM	15/11/2018	Quyết định về việc bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế.
37	Số: 1768/QĐ-ĐCM	15/11/2018	Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty.
38	Số: 1779/QĐ-ĐCM	19/11/2018	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo tiếp tục chỉ đạo và triển khai đầu tư dự án Khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá chông phường Cẩm Thạch, TP. Cẩm Phả, Quảng Ninh.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD:

a). Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật Đại hội giao:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	KH 2018 điều chỉnh	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH năm	
						So với KH điều chỉnh	So với KH đầu năm
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4=3/2)	(5=3/1)
I	Chỉ tiêu hiện vật						
	- Khoan thăm dò	m	75.000	58.000	62.377,5	107,5	83,1
	- Khảo sát trắc địa	ha	15.000	15.600	16.018	102,6	106,7
II	Chỉ tiêu giá trị						
1	Doanh thu tổng số	Tr.đồng	350.000	280.000	316.252	112,9	90,3
2	Lợi nhuận	Tr.đồng	10.000	2.500	3.650	146,0	36,5
3	Lao động, thu nhập						
-	Lao động bình quân	người	986	870	870	100	88,2
-	ΣQTL thực hiện	Tr.đồng	102.000	74.882	80.766,1	107,8	79,1
-	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-thg	8.621	7.174	7.736	107,8	89,7
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	19.168	19.868	22.029	110,8	104,4
5	Cổ tức	%VDL	>6,5		1,5		

b). Các chỉ tiêu về bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thời điểm (31/12)	
			Năm 2018	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	43,3	42,4
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	56,7	57,6
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	61,0	60,1
	- Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn	%	38,9	39,9
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,99	0,90
	- Khả năng thanh toán hiện thời	lần	1,02	0,96
5	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	0,9	2,9
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,9	2,6
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	2,4	8,5
6	Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	lần	1,44	1,61
7	Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	111	118

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thời điểm (31/12)	
			Năm 2018	Năm 2017
8	Mức độ bảo toàn vốn	lần	1,03	1,10

- Mức độ bảo toàn vốn ($H = \text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo} / \text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ trước liên kế với kỳ báo cáo}$) $H = 1,03$; $H > 1$ Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 1,02 lần là đảm bảo so với kế hoạch Tập đoàn giao 0,95 lần.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu: 2,44% phản ánh hiệu quả SXKD của Công ty chưa cao.

- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2018 bằng 1,44 lần /kế hoạch Tập đoàn giao 1,72 lần và nhỏ hơn 3 lần, đảm bảo quy định của Nhà nước và Tập đoàn.

c). Đánh giá về hoạt động và kết quả SXKD của Công ty:

- Thuận lợi: Tập đoàn giao nhiệm vụ thăm dò vốn sản xuất sớm hơn các năm trước, Công ty là đơn vị truyền thống, chuyên ngành làm công tác khảo sát thăm dò, có sự chuẩn bị tốt về nhân lực, thiết bị; giá nhiên vật liệu ở mức tương đối ổn định, lãi vay ngân hàng không tăng, tạo thuận lợi trong việc cân đối chi phí.

- Khó khăn: Do cơ chế quản lý nên năm 2018, không hình thành nguồn quỹ tập trung về khảo sát thăm dò, vì vậy việc triển khai thi công thăm dò từ nguồn vốn này chậm hơn các năm trước, mặt khác do khối lượng thăm dò đã được cấp phép còn lại ít, khối lượng thăm dò bổ sung chưa được cấp phép, do đó khối lượng thăm dò được giao ít chỉ bằng 77% so với cùng kỳ năm trước.

Cùng với khối lượng giảm thì điều kiện thi công cũng rất khó khăn, các Đề án thăm dò mỏ Nam Mẫu, Mông Dương công tác giải phóng mặt bằng gặp rất nhiều khó khăn, do vị trí thi công vào rừng tự nhiên không thể triển khai đồng loạt các vị trí thi công, vì thế tuy ít việc nhưng công ty vẫn không thi công hết được khối lượng TKV giao.

4. Về nhiệm vụ giám sát của HĐQT đối với các cán bộ quản lý điều hành:

4.1. Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh

Do cơ chế quản của TKV không hình thành nguồn quỹ tập trung về khảo sát thăm dò, vì vậy việc triển khai thi công thăm dò từ nguồn vốn này chậm hơn các năm trước, mặt khác do khối lượng thăm dò đã được cấp phép còn lại ít, khối lượng thăm dò bổ sung chưa được cấp phép, do đó khối lượng thăm dò được giao ít chỉ bằng 77% so với cùng kỳ năm trước.

Cùng với khối lượng giảm thì điều kiện thi công cũng rất khó khăn, các Đề án thăm dò mỏ Nam Mẫu, Mông Dương công tác giải phóng mặt bằng gặp rất nhiều khó khăn, do vị trí thi công vào rừng tự nhiên không thể triển khai đồng loạt các vị trí thi công, vì thế tuy ít việc nhưng công ty vẫn không thi công hết được khối lượng TKV giao.

Do khối lượng thi công ít nên doanh thu cũng giảm đi tương ứng, vì vậy rất khó khăn trong việc cân đối chi phí, tuy nhiên với tinh thần vượt khó Công ty đã đề ra nhiều biện pháp về quản lý kỹ thuật, quản trị chi phí có hiệu quả, do đó năm 2018 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu phối hợp kinh doanh điều chỉnh, bảo toàn được vốn, đời sống thu nhập của người lao động được ổn định.

4.2. Công tác đầu tư xây dựng

Năm 2018, trên cơ sở kế hoạch HĐQT thông qua, Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư một số dự án chính, bao gồm:

- Nhà Bia tưởng niệm: Đây là công trình được bổ sung vào dự án Bảo quản, tu bổ khu di tích lịch sử địa điểm khai thác Than đầu tiên của Việt Nam tại núi Yên Lãng, xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhà phân tích mẫu (Dự án chuyên tiếp).

- Thiết bị duy trì sản xuất năm 2018.

- Nâng cấp phần mềm Địa chất 5.0.

- Kiểm toán dự án thiết bị duy trì sản xuất năm 2016, 2017

- Kiểm toán dự án sân kho vật tư Xí nghiệp Địa chất Đông Triều:

Dự kiến giá trị thực hiện đầu tư năm 2018 là 14.591 triệu đồng/17.620 triệu đồng, đạt 82,8% kế hoạch (Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch là do Công trình Nhà bia tưởng niệm thuộc dự án Bảo quản tu bổ khu di tích lịch sử địa điểm khai thác Than đầu tiên của Việt Nam đang chờ Tập đoàn xem xét quyết định vị trí đặt Nhà bia)

Quá trình thực hiện công tác đầu tư và xây dựng tuân theo các qui định của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam. Ngay sau khi kế hoạch đầu tư năm 2018 được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thông báo, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các qui định hiện hành của Nhà Nước và Quy chế quản lý đầu tư của TKV, các dự án, công trình sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đạt hiệu quả, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2018.

4.3. Trả lương người lao động:

Ngay từ đầu năm 2018, Công ty đã chủ động xây dựng lại Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty đảm theo quy định mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định.

Do vậy năm 2018, Công ty đã xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở thang bảng lương của Công ty quy định, các chế độ chính sách và hệ thống định mức của Công ty, Tập đoàn TKV. Tiền lương bình quân đạt 7.736.000 đồng/người tháng

4.4. Cơ cấu, chất lượng và sử dụng lao động

Về cơ cấu lao động: Tính đến 31/12/2018 tổng số lao động hiện có của Công ty là 826 người trong đó nữ 181 người chiếm tỷ lệ 21,91%. Lực lượng

sản xuất chính 632 người chiếm 70,58%; Lực lượng phụ trợ và phục vụ 136 người chiếm 16, 5%, lao động gián tiếp là 100 người chiếm 12,1%, Người quản lý chuyên trách 07 người bằng 0,85%.

Trong năm 2018, Công ty đã tích cực rà soát, sắp xếp lại lao động ở các khâu đảm bảo tinh gọn, hiệu quả. Tổng số lao động trong năm giảm 39 người. Tuy nhiên, lao động trong khâu sản xuất trực tiếp giảm 22 người; lao động phục vụ phụ trợ giảm 11 người và lao động quản lý giảm 6 người. Về chất lượng lao động, hiện Công ty đang sử dụng số lao động có trình độ chuyên môn như sau:

- + Thạc sĩ: 12 người chiếm tỷ lệ 1,5% tổng số lao động;
- + Đại học: 241 người chiếm tỷ lệ 29,2% tổng số lao động;
- + Cao đẳng: 21 người chiếm tỷ lệ 2,5% tổng số lao động;
- + CN kỹ thuật: 534 người chiếm tỷ lệ 64,6% tổng số lao động;
- + Lao động thủ công: 18 người chiếm tỷ lệ 2,2% tổng số lao động.

Về sử dụng lao động trong Công ty: Cơ bản số lao động hiện tại của Công ty vẫn đáp ứng được yêu cầu sản xuất năm 2018 và các năm tiếp theo. Nhìn chung về cơ cấu lao động của Công ty vẫn còn nhiều bất cập, lao động phục vụ, phụ trợ vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn, trong thời gian tới Công ty tiếp tục xây dựng lộ trình sắp xếp các đầu mối lại lao động đảm bảo tinh gọn hiệu quả.

5. Thực hiện mối quan hệ công tác với các tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị khác:

Trong năm 2018, ban Giám đốc đã thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa HĐQT, Giám đốc, Đảng ủy, Công đoàn và các tổ chức chính trị khác trong Công ty. Sự phối kết hợp đó thể hiện bằng các Nghị quyết liên tịch giữa Giám đốc Công đoàn, Đoàn thanh niên và các văn bản phối hợp của Đảng ủy với chuyên môn trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Đánh giá chung:

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý, nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc tiêu chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

Trong năm qua, Hội đồng Quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đồng thời tuyệt đối trung thành không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

II. HƯỚNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019

Trên cơ sở nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 2019, cụ thể như sau:

1. Những chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD năm 2019

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	Chỉ tiêu hiện vật			
	- Khoan thăm dò	m	65.200	
	- Khảo sát	ha	15.500	
	- Đo Karota	m	80.000	
	- Phân tích mẫu	mẫu	6.500	
2	Chỉ tiêu giá trị	Tr.đ	285.010	
	- Khoan thăm dò	Tr.đ	229.510	
	- Khảo sát trắc địa	Tr.đ	21.500	
	- Nhiệm vụ địa chất	Tr.đ	6.500	
	- Đo Karota	Tr.đ	7.500	
	- Phân tích mẫu	Tr.đ	9.500	
	- Dịch vụ khoáng nóng	Tr.đ	10.500	
3	Giá trị Đầu tư XDCB	Tr.đ	10.715	
4	Lợi nhuận	Tr.đ	4.500	
5	Lao động và tiền lương			
	- Lao động bình quân	Người	864	
	- Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	83.700	
	+ Tiền lương người lao động	Tr.đ	81.513	
	+ Tiền lương người quản lý	Tr.đ	2.187	
	- Tiền lương bình quân	1000đ/ng/thg	8.025	
	- Đơn giá tiền lương	đ/1000đ GTSX	286	
6	Chi trả cổ tức	% VDL	≥ 2,0	

2. Về công tác chỉ đạo điều hành sản xuất và các giải pháp thực hiện:

2.1. Bố trí điều hành sản xuất linh hoạt, hợp lý, phù hợp với nhu cầu sản xuất chung của TKV. Tìm mọi biện pháp đảm bảo năng lực tự làm theo kế hoạch

2.2. Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thiện các thủ tục đầu tư liên quan đến khu nghỉ dưỡng đập nước Đá Chồng và tìm kiếm đối tác để liên kết kinh doanh

2.3. Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án giảm biên chế lao động quản lý, phục vụ phù trợ theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

2.4. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí...

2.5. Rà soát và làm việc các cơ quan chức năng địa phương, tỉnh Quảng Ninh để thanh lý đất, nhà tại các khu tập thể cho CBCNV Công ty.

2.6. Thực hiện tốt công tác Quân sự - Quốc phòng tại địa phương, bảo vệ, giữ vững an ninh trật tự, an toàn trong sản xuất. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động ở mức thấp nhất một cách vững chắc.

2.7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan, sinh động các hoạt động sản xuất, kinh doanh, văn hóa, xã hội của Công ty, nhất là những khó khăn thách thức mà Công ty đang gặp phải... và các tấm gương lao động tiên tiến, vượt khó đi lên để người lao động noi gương và xã hội noi chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ và các cấp chính quyền địa phương, Tập đoàn kịp thời hỗ trợ.

2.8. Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới và giữ vững an ninh trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

2.9. Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị, đoàn thể: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh để tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng bền vững và phát triển mạnh mẽ.

III. ĐỀ NGHỊ CỦA HĐQT CÔNG TY

Để thực hiện nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV như sau:

1. Tiếp tục triển khai Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ cho sản xuất kinh doanh và các dự án khác (bao gồm cả việc ký kết hợp đồng đầu tư và vay vốn tín dụng có giá trị từ 35% trở lên tổng số giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán);

2. Thực hiện các thủ tục thuê tài sản, thiết bị để phục vụ SXKD khi yêu cầu sản xuất tăng cao, dự án đầu tư thiết bị trong năm 2019 chưa đáp ứng kịp thời cho thực tế sản xuất.

3. Bổ sung thêm ngành nghề đăng ký kinh doanh khi cần cho hoạt động SXKD của Công ty; Điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua một các hợp lệ, báo cáo Đại hội đồng cổ đông ở kỳ họp gần nhất theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018, phương hướng nhiệm vụ của HĐQT năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Quý vị cổ đông. *đ*

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;
- Phòng ĐVT (Đăng trên Website);
- Lưu VT, Thư ký Công ty.



Hoàng Minh Hiếu

Số: 344 /BC-ĐCM

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
Thay đổi nhân sự trong HĐQT Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 27 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐQT ngày 15/11/2018 của HĐQT Công ty về việc từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty và bổ nhiệm thành viên HĐQT;

Hội đồng Quản trị Công ty xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về việc thay đổi nhân sự trong HĐQT Công ty như sau:

1. Ông Vũ Văn Mạnh thôi tham gia HĐQT từ ngày 01/12/2018 theo đơn đề nghị của cá nhân để nghỉ hưu theo quy định.

2. Ông Hà Minh Thọ – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV được bầu vào HĐQT Công ty từ ngày 01/12/2018.

Nội dung về thay đổi nhân sự đã được Công ty đăng trên Website và Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. CĐVT (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ I (2016-2021)

1. Họ và tên : **HÀ MINH THỌ**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 03/3/1974
4. Dân tộc : Kinh
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Quê quán : Xã Kim Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
7. Địa chỉ thường trú : Phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
8. Số Căn cước công dân: 034074007352 Ngày cấp: 05/7/2018 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
9. Điện thoại liên lạc : 0913.314.080
10. Trình độ văn hoá : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư địa chất; Thạc sỹ khoa học địa chất
12. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác
5/1997 - 3/2005	Làm việc tại Đoàn địa chất 913, Cẩm Phả - Quảng Ninh
4/2005 - 02/2007	Tác giả các phương án tại Phòng địa chất Công ty Địa chất Mỏ - TKV
3/2007 - 11/2008	Phó phòng KTSX-MT&AT Xí nghiệp trắc địa bản đồ - Công ty Địa chất Mỏ - TKV
12/2008 - 3/2011	Trưởng phòng Địa chất - Môi trường Xí nghiệp trắc địa bản đồ - Công ty Địa chất Mỏ - TKV
04/2011 - 07/2011	Phó phòng Địa chất Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - Vinacomin
8/2011 - 07/2012	Phó phòng phụ trách phòng Địa chất Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - Vinacomin
08/2012 - 12/2015	Trưởng phòng Địa chất Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV
01/2016 - 6/2017	Trưởng phòng Địa chất kiêm Trợ lý giám đốc trong công



Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác
	tác thị trường về lĩnh vực khảo sát, khoan thăm dò địa chất Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
7/2017 - 11/2018	Phó giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
01/12/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV

13. Số cổ phần (MGC) nắm giữ: 9.300 CP (chiếm 0,086%), trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 9.300 CP (chiếm 0,086 %);

- Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 CP (chiếm 0 %).

14. Số cổ phần (MGC) của người có liên quan nắm giữ: 0 CP.

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

16. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2019
Người khai



Hà Minh Thọ



Số: 345 /TTr-ĐCM

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc ký hợp tác kinh doanh (BBC)
để tiếp tục đầu tư tại Khu nghỉ dưỡng Đập nước đá chông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 27 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐTV ngày 18/6/2018 của Hội đồng thành viên TKV về việc triển khai đầu tư tại Khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá Chông; Văn bản số 3314/TKV-ĐT ngày 25/6/2018 và Thông báo kết luận số 168/TB-TKV ngày 04/9/2018 của Tổng giám đốc Tập đoàn.

Hội đồng quản trị Công ty xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 về việc thông qua chủ trương cho Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV hợp tác kinh doanh (BBC) để tiếp tục triển khai đầu tư tại Khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá Chông với Công ty cổ phần Du lịch và thương mại - Vinacomin và ủy quyền cho Hội đồng quản trị làm các thủ tục có liên quan về hợp tác kinh doanh này.

Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Quý vị cổ đông. 🍀

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CD, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGD (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. CĐVT (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐỊA CHẤT MỎ
TKV
TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH
Hoàng Minh Hiếu

Số: 346 /BC-ĐCM

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2018

Kính gửi: Quý vị Cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 27 tháng 4 năm 2018;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán như sau:

Phần thứ nhất:
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐTV: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2018	01/01/2018
*	TÀI SẢN		285.140.273.057	343.027.139.318
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	161.786.404.231	197.899.756.686
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2.596.520.396	792.844.836
1	Tiền	111	2.596.520.396	792.844.836
2	Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	152.867.577.942	183.106.527.929
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	140.993.682.509	175.982.623.906
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	263.182.019	132.832.019
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	11.173.627.945	4.566.667.873
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	568.929.157	2.516.694.713
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(131.843.688)	(92.290.582)
IV	Hàng tồn kho	140	4.539.019.054	11.804.874.158